TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐHNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2018
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Phạm Văn Tuyển.

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 167/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung theo quyết định mở phiên họp số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, Hện H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Phạm Văn H, sinh 1983;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: GM Legnica Woj Dolonslaskie Legnica CH Ba Lan.

Chị T và anh H đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Vấn đề cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết: Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Do anh Phạm Văn H hiện đang cư trú ở nước ngoài (Cộng hòa Ba Lan) nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị T và anh H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến phiên họp cho các đương sự nhưng chị T và anh H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 12/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 2 tháng thì anh H quay lại Ba Lan lao động. Do vợ chồng không được gần gũi và chăm sóc cho nhau nên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh H xác định vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung và không hàn gắn được tình cảm nên thống nhất nộp đơn ly hôn đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 15/7/2015, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T và anh H đề nghị giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu công nhận thỏa thuận về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn và tự nguyện nộp thay anh H án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn, thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh H; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H, giao con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 17/7/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về án, lệ phí: Công nhận việc chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được đối trừ 300.000 đồng mà chị T đã nộp, chị T còn phải nộp 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 369, Điều 370, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 17/7/2014 cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Phạm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về lệ phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002936 ngày 18/12/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; Chị T còn phải nộp 150.000 đồng.

4. Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi công bố.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện thei quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Văn Tuyển